TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2017/DSPT
Ngày: 13 - 7 - 2017
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Lâm Đồng**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hoàng Dũng**

Ông **Nguyễn Chế Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hương** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 50/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2016/DSST ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2017/QĐPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông **Lê Văn A**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu vực T, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2/ Ông **Phan Văn B**, sinh năm 1954 (chết), Bà **Nguyễn Thị Cẩm C**, sinh năm 1952. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Phan Văn B**:

Phan Thúy D, sinh năm 1978;

Phan Thị Thúy Đ, sinh năm 1985;

Phan Thị Ngọc E, sinh năm 1988;

Phan Thị Ngọc G, sinh năm 1975;

Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1952.

Trong đó bà Thúy D và Thúy Đ ủy quyền cho bà Phan Thị Ngọc E. (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2016, 07/6/2016). (có mặt)

- Bị đơn:

Bà **Nguyễn Cẩm H (H2)**, sinh năm 1962 (chết).

Thừa kế địa vị tố tụng: Bà **Nguyễn Thúy I**, sinh năm 1962. (Theo di chúc lập ngày 22/3/2014). (có mặt)

Địa chỉ: khu vực T, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1945; Bà Tạ Phương L, sinh năm 1947; Ông Nguyễn Tấn M, sinh năm 1966; Bà Nguyễn Phượng N, sinh năm 1968; Ông Nguyễn Tấn O (O1), sinh năm 1971. *(vắng mặt)*

Trú tại: Khu vực V, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ.

2/ Thành viên hộ nguyên đơn ông **Lê Văn A** gồm: Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1963; Lê Văn Ơ, sinh năm 1981; Lê Trường P, sinh năm 1985; Lê Mạnh Q, sinh năm 1986.

Trong đó ông Ơ, P, Q cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ô. (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2016) (có mặt)

3/ Thành viên hộ nguyên đơn **Phan Văn B** (chết), **Nguyễn Thị Cẩm C** gồm: Phan Thúy D, sinh năm 1978; Phan Thị Thúy Đ, sinh năm 1985; Phan Thị Ngọc E, sinh năm 1988; Phan Thị Ngọc G, sinh năm 1975.

Đại diện hợp pháp của Thúy D và Thúy Đ: Phan Thị Ngọc E, sinh năm 1988. (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2016, 07/6/2016) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2012 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/11/2013 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Văn A (có bà Nguyễn Thị Ô đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Nguyên vào năm 1989, mẹ ông là bà Cao Thị R có mua lại phần đất của ông Nguyễn Văn K anh ruột của bà Nguyễn Cẩm H có giấy tay sang nhượng nền nhà. Trong giấy tay sang nhượng nền nhà có nói "Vì đất hương hỏa nên bà Cao Thị R chỉ được truyền lại cho con cháu chứ không sang bán cho người lạ", vì vậy mẹ ông cho ông sở hữu phần đất này, mẹ ông đã mất nhiều năm trước. Sau khi mua thì gia đình ông ổn định cuộc sống và xây nhà trên đất từ năm 1990 đến nay không ai tranh chấp. Đến năm 1996 thì bà Nguyễn Cẩm H đứng ra kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm luôn diện tích trước đây ông K bán cho mẹ ông. Sự việc này ông không biết vì bận đi làm ăn xa. Đến năm 2000, ông A có nhu cầu làm chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết đất đã bị bà H kê khai hết toàn bộ. Ông A có đến gặp bà H yêu cầu bà trả lại phần đất cho ông và thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất vì đất mẹ ông mua của ông K, bà H2 (H) không thực hiện.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu bị đơn lập thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tổng diện tích là 402,5 m^2 tại vị trí 2a (281m^2) + 2b (121,5m^2) theo Trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013. Ông A không đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*. Ông A không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2012, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/11/2013 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm C trình bày:

Nguyên vào năm 1990, ông B và bà C có mua lại phần đất của ông Nguyễn Văn K anh ruột bà H và bà C, các bên có làm "Tờ bán đứt nền nhà". Sau khi mua thì gia đình ông bà đã ổn định cuộc sống và cất nhà trên phần đất đến nay không ai tranh chấp. Đến năm 1996 thì Nguyễn Cẩm H em ruột bà C đã đứng ra kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm lên diện tích đất ông K bán cho ông bà. Sự việc này ông bà không biết vì lo làm ăn và nghĩ là anh em trong nhà. Đến năm 2001 ông bà có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết đất của ông bà mua đã bị bà H kê khai bao trùm toàn bộ. Ông bà có đến gặp bà H yêu cầu bà trả lại phần đất và thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất nhưng bà H không thực hiện.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất với diện tích là 225 m^2 tại vị trí 3a (98.5m^2) + 3b (126.5m^2) theo Trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013. Ông bà không đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền là 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*, đồng ý cho 03 chỉ vàng 24k mà bị đơn còn nợ của ông bà. Ông bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại đơn phản tố đề ngày 29/10/2014 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Cẩm H (có bà Nguyễn Thúy I là người thừa kế địa vị tố tụng) trình bày:

Nguyên trước đây bà H sống chung với ông bà nội từ nhỏ, sau khi ông bà nội qua đời thì để lại phần đất diện tích 4.427m^2, có 300m^2 đất thổ cư và 4.127m^2 loại đất LNK. Đến năm 1996 bà có làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003582 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 03/9/1996 do bà Nguyễn Cẩm H2 (Nguyễn Cẩm H) đứng tên, đất tọa lạckhu vực T, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian bà sống chung với bà nội thì anh ruột bà là ông Nguyễn Văn K không chăm sóc nuôi dưỡng ông bà nội, đến khi hòa bình thì ông K về ở đậu trên đất ông bà để lại. Trong thời gian ở đậu thì ông K có cho ông Lê Văn A và Phan Văn B ở đậu trên phần đất của ông bà nội. Đến nay bà H không biết việc ông A ông B có giấy tay mua bán đất với ông K. Bà không đồng ý yêu cầu của các nguyên đơn và có yêu cầu phản tố như sau:

- Đối với nguyên đơn Lê Văn A: Đồng ý ổn định cho nguyên đơn diện tích 121.5m^2 tại vị trí 2b theo Trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn.

Yêu cầu ông A trả lại phần đất diện tích 281m^2 và yêu cầu tháo dỡ, tự di dời các vật kiến trúc (trừ nhà chính) gồm: nhà bếp, nhà của con nguyên đơn là Lê Văn Ơ, nhà sửa xe tại vị trí 2a theo trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013.

- Đối với nguyên đơn Phan Văn B (chết) và Nguyễn Thị Cẩm C: Đồng ý ổn định cho nguyên đơn diện tích 126.5m^2 tại vị trí 3b theo trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013.

Yêu cầu ông B, bà C trả lại phần đất diện tích 98.5m^2 và yêu cầu tháo dỡ, tự di dời các vật kiến trúc (trừ nhà chính) gồm: nhà bếp tại vị trí 3a theo trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Cẩm C, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 38/2016/DSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Văn A (Có bà Nguyễn Thị Ô là đại diện theo ủy quyền) và bà Nguyễn Thị Cẩm C.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Cẩm H có người thừa kế là bà Nguyễn Thúy I có trách nhiệm lập thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể:

- Tách cho ông Lê Văn A phần đất diện tích là 402.5 m^2 tại vị trí 2a (281m^2) + 2b (121.5m^2). Trong đó có 100m^2 loại đất T và 302,5m^2 đất LNK.

- Tách cho bà Nguyễn Thị Cẩm C phần đất diện tích 225 m^2 tại vị trí 3a (98.5m^2) + 3b (126.5m^2). Trong đó 100m^2 đất T và 125m^2 đất LNK.

Các diện tích đất trên được thể hiện cụ thể theo trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Cẩm C về việc hỗ trợ cho bà Nguyễn Thúy I 03 chỉ vàng 24k. Số vàng này được trừ vào số nợ 03 chỉ vàng 24k mà bà I còn nợ bà C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 13/12/2016 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên toà hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và các ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí của đương sự đúng thời hạn nên hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe các bên phát biểu tranh luận.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án.

Sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn A, ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm C cho rằng trước đây các ông bà có mua phần đất của ông Nguyễn Văn K là anh ruột của bị đơn bà Nguyễn Cẩm H. Sau khi mua thì các ông bà đã xây nhà và ổn định trên đất. Đến khi các ông bà có nhu cầu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì mới hay là đất bị đơn đã kê khai đăng ký quyền sử dụng bao trùm lên cả phần đất của các ông bà. Do đó các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Cẩm H làm thủ tục tách thửa sang tên cho các ông bà. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Ô Môn thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật tranh chấp "quyền sử dụng đất" là phù hợp.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Cẩm H yêu cầu công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 375299, số vào sổ 003582 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 03/9/1996 do bà Nguyễn Cẩm H đứng tên là của bà và bà không có nghĩa vụ gì với nguyên đơn, bà tự nguyện cho ông Lê Văn A diện tích 120m^2 và ông Phan Văn B 120m^2 là phần diện tích có nhà chính của các ông, ngoài phạm vi trên, hộ ông A và ông B phải tự tháo dỡ các tài sản gắn liền với đất ra khỏi diện tích đất của bà. Qua kháng cáo của bị đơn, xét thấy về nguồn gốc đất các bên đều khai là của ông nội của bị đơn là ông Nguyễn Văn S để lại, ông Nguyễn Văn K cho rằng phần đất các bên tranh chấp là ông được giao sử dụng toàn bộ. Chứng cứ ông đưa ra là Tờ tông chi của tộc họ đã giao toàn bộ đất cho ông. Tại cấp phúc thẩm, ông K cũng đã cung cấp bản chính của Tờ tông chi họ tộc này cho Hội đồng xét xử. Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến nay bản thân phía bị đơn cũng thừa nhận việc ông K có sang nhượng đất cho các nguyên đơn, tức mặc nhiên bị đơn cũng thừa nhận ông K là người có quyền sử dụng đất hợp pháp, và bà cũng không cho rằng các các giấy tờ chuyển nhượng cho nguyên đơn qua "Giấy tay sang nhượng nền nhà" (BL 106) và "Tờ bán đứt nền nhà" (BL 90) là không hợp pháp mà bị đơn chỉ cho rằng diện tích mà ông K chuyển nhượng không nhiều như các nguyên đơn trình bày và yêu cầu.

Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế tại trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn thì phần đất ông Lê Văn A thực tế sử dụng là 402,5m^2 là phù hợp với diện tích đã nhận chuyển nhượng từ ông K. Riêng phần diện tích đất ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm C sử dụng thực tế là 225m^2 so với diện tích đất ông bà nhận chuyển nhượng từ ông K là 219,9m^2 tức thừa 5,1m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Cẩm C cũng đồng ý hoàn lại cho bị đơn giá trị 5,1m^2 đất thừa này theo giá mà hội đồng định giá đã định: cụ thể: 5,1m^2 x 550.000 đồng/01m^2 = 2.805.000 đồng *(Hai triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng),* và đề nghị được ổn định phần diện tích 219,9m^2 bà nhận chuyển nhượng từ ông K.

Ngoài ra, theo Công văn số 668/UBND ngày 11/8/2016 của Ủy ban nhân dân quận Ô Môn trả lời đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003582, do UBND huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 03/9/1996 do bà Nguyễn Cẩm H2 (Nguyễn Cẩm H) khi cấp giấy cho bà H thì không có đo đạc, ký tứ cận. Vì vậy, chưa có cơ sở cho rằng việc cấp giấy cho bà H là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng sử dụng. Bên cạnh đó, các nguyên đơn nhận chuyển nhượng và sử dụng đất trước thời điểm bị đơn được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay các nguyên đơn cũng cất nhà và ở ổn định trên đất. Do vậy việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn lập thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy nhận định của bản án sơ thẩm là có cơ sở. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Cẩm H (H2) có người thừa kế tố tụng là bà Nguyễn Thúy I.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Cẩm C. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Cẩm H có người thừa kế là bà Nguyễn Thúy I.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Cẩm H có người thừa kế là bà Nguyễn Thúy I có trách nhiệm lập thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể:

- Tách cho ông Lê Văn A phần đất diện tích là 402.5 m^2 tại vị trí 2a (281m^2) + 2b (121.5m^2). Trong đó có 100m^2 loại đất T và 302,5m^2 đất LNK.

- Tách cho bà Nguyễn Thị Cẩm C phần đất diện tích 225 m^2 tại vị trí 3a (98.5m^2) + 3b (126.5m^2). Trong đó 100m^2 đất T và 125m^2 đất LNK.

Các diện tích đất trên được thể hiện cụ thể theo trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn. Phần đất thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 375299, số vào sổ 003582 do Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp ngày 03/9/1996 do bà Nguyễn Cẩm H (H2**)** đứng tên, đất tọa lạckhu vực T, phường U, quận Ư, thành phố Cần Thơ (đính kèm theo trích đo địa chính số 1513/VPĐKQSDĐ ngày 19/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Cẩm C về việc hỗ trợ cho bà Nguyễn Thúy I 03 chỉ vàng 24k. Số vàng này được trừ vào số nợ 03 chỉ vàng 24k mà bà I còn nợ bà C.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính là 5.735.000 đồng. Trong đó ông Lê Văn A tạm ứng 1.500.000 đồng; bà C tạm ứng 4.235.000 đồng. Các nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thúy I phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí phản tố nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.218.900 đồng *(Một triệu hai*

trăm mười nghìn chín trăm đồng) bà I tạm nộp theo biên lai thu tiền số 000771 ngày 03/11/2014. Bà I được nhận lại 818.000 đồng *(Tám trăm mười tám nghìn đồng)*.

Nguyên đơn ông Lê Văn A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003588 ngày 04/12/2012; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm C được nhận lại 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 003587 ngày 04/12/2012.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thúy I phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* chuyển số tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 009976 ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ô Môn sang thành án phí phúc thẩm, bà I phải nộp thêm 100.000 đồng *(Một trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND. TPCT;
- TAND quận Ô Môn;
- CCTHADS quận Ô Môn;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Lâm Đồng